

**ĐỀ ÁN**  
**VỀ CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA VỀ HỌC TẬP NGOẠI NGỮ**  
**CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CÁC CẤP**

**PHẦN MỞ ĐẦU**

**I. SỰ CẦN THIẾT**

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức luôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng, đòi hỏi sự quan tâm của Đảng, Nhà nước ta trong suốt gần 80 năm qua kể từ khi Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời cho đến nay và trong cả tương lai. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức luôn gắn liền với sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước nhằm *“thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”*.

Việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ từ nay đến năm 2020, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cải cách hành chính triệt để, từ một nền hành chính quản lý truyền thống sang một nền hành chính dịch vụ, chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch với sự hoạt động hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính Nhà nước thông suốt từ Trung ương tới cơ sở không thể tách rời sự đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

Ngoại ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng trong đời sống xã hội, là công cụ hữu hiệu giúp chúng ta giao tiếp, làm việc và tham gia trực tiếp vào các hoạt động mang tính quốc tế, là chìa khóa mở mọi cánh cửa kiến thức và công nghệ của nhân loại, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế hiện nay, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức phải làm việc trong môi trường quốc tế. Môi trường quốc tế là tổng thể các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại, an ninh - quốc phòng..., đại diện cho quan hệ lợi ích trên các lĩnh vực then chốt, đan xen, tương tác, ràng buộc lẫn nhau giữa nước ta với các nước và các tổ chức quốc tế, thể hiện quá trình hội nhập quốc tế cũng như khẳng định vị thế năng lực cạnh tranh của Việt Nam trước thế giới. Môi trường làm việc quốc tế có sự tham gia của các cá nhân, tổ chức nước ngoài từ cấp cao đến cấp thấp, từ song phương đến đa phương, từ chính thức đến phi chính thức.... Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, quá trình hội nhập và toàn cầu hóa đã khiến ngoại ngữ không chỉ giữ vai trò là công cụ giao tiếp thông thường, mà còn được nâng lên như một năng lực, phẩm chất cần thiết của con người Việt Nam hiện nay nói chung, của cán bộ, công chức, viên chức nói riêng. Để đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, làm việc trong môi trường quốc tế hiệu quả, đòi hỏi cán bộ, công chức, viên chức bên cạnh kiến thức, kỹ năng chuyên môn phải đáp ứng

được tiêu chuẩn, và phải được thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ năng lực về ngoại ngữ.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc dạy và học ngoại ngữ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020" với mục tiêu: "Đổi mới việc dạy và học ngoại ngữ trong chương trình giáo dục thường xuyên với nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với các cấp học, trình độ đào tạo...; Phấn đấu đến năm 2020, có 30% số cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước có trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên". Sau đó Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025, trong đó xác định đến năm 2025, phấn đấu hoàn thành việc xây dựng các chương trình bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (không bao gồm đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ), ưu tiên các chương trình tự bồi dưỡng; tổ chức bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (không bao gồm đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ).

Bên cạnh đó, nhà nước ta đã ban hành một hệ thống các qui định pháp luật về tiêu chuẩn, trình độ cũng như đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ đối với cán bộ, công chức, viên chức. Đây chính là cơ sở pháp lý để thực hiện các yêu cầu về trình độ, năng lực ngoại ngữ cũng như thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức đạt hiệu quả.

Thời gian qua, các bộ, ngành Trung ương và địa phương đã có nhiều cố gắng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng nói chung, trong đó có công tác bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức và đã đạt được những thành tựu quan trọng góp phần vào sự nghiệp phát triển chung của đất nước. Tuy nhiên, nhìn tổng thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đông nhưng chưa mạnh; năng lực của đội ngũ chưa đồng đều, có mặt còn hạn chế, yếu kém; nhiều cán bộ, trong đó có cả cán bộ cấp cao thiếu tính chuyên nghiệp, làm việc không đúng chuyên môn, sở trường; trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế còn nhiều hạn chế...; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nói chung còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới và phát triển hiện nay.

Thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng những năm qua đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề cần suy nghĩ, giải quyết. Đó là làm thế nào để công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong đó có đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ góp phần tích cực nhất vào sự nghiệp đổi mới, đưa nước ta hội nhập nhanh và hội nhập sâu với thế giới.

Hội nhập và toàn cầu hóa trên thế giới với mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016-2020) của Đảng đã trao cho chúng ta một trách nhiệm nặng nề nhưng vô cùng vẻ vang, đó là, hình thành và phát triển những giá trị mới trong con người Việt Nam cả về khía cạnh nhân văn và kỹ thuật để "đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực". Hoàn thành trách nhiệm vẻ vang đó là

nhiệm vụ của tất cả các môn học và các hoạt động trong nhà trường, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong đó ngoại ngữ có vai trò đặc biệt quan trọng, vai trò của một chiếc cầu nối giữa trong nước và quốc tế, một cánh cửa để chúng ta giao lưu với thế giới bên ngoài. Kinh nghiệm của các nước phát triển và các nước công nghiệp mới trên thế giới cho thấy trong thời đại ngày nay một trong những điều kiện thiết yếu để một quốc gia tăng cường năng lực cạnh tranh, củng cố và phát huy nội lực chính là năng lực ngoại ngữ - “một nguồn tài nguyên kinh tế và xã hội không thể thiếu được” đối với mọi quốc gia trong một thế giới hội nhập, đa dạng về văn hóa và ngôn ngữ. Với Việt Nam, một nước đang phát triển, yêu cầu cần phải nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ để học tập và làm việc với thế giới bên ngoài lại càng trở thành một vấn đề bức thiết.

Thực hiện Nghị quyết số 132/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Kế hoạch số 10-KH/TW ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, Bộ Nội vụ xây dựng Đề án về “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức các cấp”. Mục đích của Đề án là phân tích rõ thực trạng, đề xuất các giải pháp nhằm đẩy mạnh và tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, công chức các cấp góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định và đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

## II. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

### 1. Các chủ trương của Đảng

- **Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành TW Đảng khóa X (số 10-NQ/TW ngày 09/2/2007)** về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Một trong những chủ trương, giải pháp đề ra là “Đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội”. Theo đó, đã quy định “Trên cơ sở định kỳ đánh giá và phân loại đúng đội ngũ cán bộ, công chức, tăng cường đào tạo, đào tạo lại và kịp thời thay thế những người không hoàn thành nhiệm vụ. Lập quỹ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong quy hoạch, nhất là về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, quản lý hành chính và luật pháp quốc tế”.

- **Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành TW Đảng khóa X** về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ từ nay đến năm 2020 đã xác định: “Mục tiêu cần đạt được là xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất và năng lực tốt, có cơ cấu phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc...”. Để đạt được mục tiêu đề ra, Nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng là phải “Tạo chuyển biến sâu sắc trong

công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, chú trọng bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ lãnh đạo quản lý, coi đây là giải pháp quan trọng hàng đầu trong thực hiện Chiến lược cán bộ trong giai đoạn mới... Xây dựng chương trình quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập quốc tế.”

- **Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI (số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013)** về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã chỉ ra nhiệm vụ cấp bách “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học”.

- **Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành TW Đảng khóa XII (số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016)** về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

+ Chủ trương, chính sách chung đề ra là “tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ, trình độ pháp luật quốc tế...”

+ Chủ trương, chính sách cụ thể đề ra là: “Nâng cao năng lực cạnh tranh”, trong đó “Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực. Tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo; đẩy nhanh phổ cập ngoại ngữ, trọng tâm là tiếng Anh trong giáo dục các cấp...”

- **Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XII (số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018)** về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ

+ Quan điểm chỉ đạo: “Xây dựng đội ngũ cán bộ phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới; thông qua hoạt động thực tiễn... gắn với đào tạo nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, thu hút, trọng dụng nhân tài”; “Xử lý hài hòa, hợp lý mối quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu, trong đó tiêu chuẩn là chính...”

+ Mục tiêu đến 2025 là “Xây dựng được đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định”; đến 2030 là “Xây dựng được đội ngũ cán bộ các cấp chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có cơ cấu hợp lý, bảo đảm sự chuyển giao thế hệ một cách vững vàng; Cơ bản xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược ngang tầm nhiệm vụ”.

- Kế hoạch số 10-KH/TW ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2018 của Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ

Giao Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ các cấp.

## 2. Căn cứ pháp lý

- Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
- Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 05/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
- Nghị quyết số 132/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Kế hoạch số 10-KH/TW ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW;
- Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025.
- Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
- Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính;
- Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức.
- Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam;
- Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Các văn bản quy định về chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức;
- Các văn bản quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức.

### **III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI**

#### **1. Đối tượng**

- Cán bộ trong các cơ quan nhà nước;
- Công chức trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập.

#### **2. Phạm vi nội dung**

- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng trình độ và năng lực ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; công tác đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức thời gian qua;
- Đề xuất mô hình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ phù hợp và nghiên cứu xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, công chức phục vụ thực hiện nhiệm vụ và thực thi công vụ trong xu thế hội nhập;
- Xây dựng chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức tích cực học tập ngoại ngữ, nâng cao năng lực để làm việc được trong môi trường quốc tế.

#### **3. Thời gian:** Bắt đầu triển khai thực hiện từ năm 2019

## **PHẦN I**

### **THỰC TRẠNG TRÌNH ĐỘ, NĂNG LỰC VÀ NHU CẦU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGOẠI NGỮ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

#### **I. CÁC QUI ĐỊNH HIỆN HÀNH YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC, TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

##### **1. Yêu cầu học ngoại ngữ và tiêu chuẩn ngoại ngữ**

- Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 -2020”

+ Một trong các mục tiêu đã đề ra là: “Đổi mới việc dạy và học ngoại ngữ trong chương trình giáo dục thường xuyên với nội dung, chương trình được đào tạo phù hợp với các cấp học, trình độ đào tạo, góp phần tích cực vào công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ cho nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ, viên chức; thực hiện đa dạng hóa các hình thức học tập, đáp ứng nhu cầu người học. Phấn đấu có 5% số cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước có trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên vào năm 2015 và đạt 30% vào năm 2020”.

+ Với nhiệm vụ và giải pháp đặt ra là:

“Thực hiện đổi mới chương trình đào tạo ngoại ngữ đối với giáo dục thường xuyên.

Chương trình đào tạo ngoại ngữ áp dụng trong các cơ sở giáo dục thường xuyên phải phù hợp với nhu cầu đa dạng phong phú về hình thức, đối tượng, trình độ đào tạo, đáp ứng nhu cầu người học, có tác dụng tích cực khắc phục những hạn chế của giáo dục chính quy.”

“Xây dựng môi trường làm việc có sử dụng ngoại ngữ ở các cơ quan, công sở; gắn yêu cầu về ngoại ngữ trong việc tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức nhà nước; thường xuyên tổ chức bồi dưỡng ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trẻ.”

- Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 – 2025”

+ Mục tiêu chung: “Đổi mới việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, tiếp tục triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ mới ở các cấp học, trình độ đào tạo, nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu học tập và làm việc; tăng cường năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực trong thời kỳ hội nhập, góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước...”

+ Mục tiêu cụ thể đối với giáo dục thường xuyên là:

“Đến năm 2025, phấn đấu hoàn thành xây dựng các chương trình dạy và học ngoại ngữ trong giáo dục thường xuyên đáp ứng cơ bản nhu cầu đa dạng của xã hội.

Đến năm 2025, phấn đấu hoàn thành việc xây dựng các chương trình bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức “không bao gồm đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ”, ưu tiên các chương trình tự bồi dưỡng; tổ chức bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (không bao gồm đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ”).

+ Nhiệm vụ và giải pháp: “Ban hành và triển khai chương trình, tài liệu dạy và học ngoại ngữ”, trong đó:

“Khảo sát, nghiên cứu, xây dựng, triển khai thí điểm, hoàn thiện, tổng kết và đánh giá, ban hành chương trình và sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu, học liệu dạy và học ngoại ngữ, dạy tích hợp ngoại ngữ trong một số môn học khác, dạy một số môn học khác “như toán và các môn khoa học, môn chuyên ngành” bằng ngoại ngữ, đào tạo giáo viên ngoại ngữ, đào tạo giáo viên bằng ngoại ngữ cho các cấp học, trình độ đào tạo, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhu cầu học ngoại ngữ đa dạng của xã hội theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế và phù hợp với đặc thù của Việt Nam.”

- Quyết định số 247/QĐ-TTg ngày 16/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Bồi dưỡng nghiệp vụ đối ngoại và ngoại ngữ, biên phiên dịch cho công chức ngoại vụ địa phương giai đoạn 2016 – 2020

+ Mục tiêu cụ thể đến hết năm 2020: “90% lãnh đạo ngoại vụ có trình độ ngoại ngữ đảm bảo yêu cầu công tác đối ngoại; mỗi tỉnh có tối thiểu 02 cán bộ được bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng biên phiên dịch cao cấp tiếng Anh; mỗi tỉnh có ít nhất

03 biên phiên dịch thông thạo ngoại ngữ của nước có chung biên giới là tiếng Campuchia, tiếng Lào và tiếng Trung;

Mỗi năm bồi dưỡng 05 cán bộ ngoại vụ phiên dịch của các tỉnh có chung đường biên giới đi bồi dưỡng chuyên sâu biên phiên dịch cấp cao ở Campuchia, Lào và Trung Quốc”.

+ Nhiệm vụ và giải pháp: “Đổi mới, cải tiến phương thức, nội dung và chương trình bồi dưỡng theo hướng đa dạng hóa các loại hình bồi dưỡng, tăng cường thực hành; bám sát nhu cầu đối ngoại của các tỉnh, thành trong thời kỳ hội nhập khu vực và quốc tế; Tập trung xây dựng, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, báo cáo viên, ... các chuyên gia ngôn ngữ nước ngoài; ... Nâng cao trách nhiệm của địa phương trong việc cử công chức đi bồi dưỡng.”

- Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 -2025 đã đề ra mục tiêu cụ thể về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, cụ thể:

+ Đối với cán bộ, công chức ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện: Tập trung bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định về trình độ lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức quốc phòng – an ninh, tin học, ngoại ngữ. Phấn đấu đến năm 2020, 100% cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định trước khi bổ nhiệm ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý.

+ Đối với viên chức: bảo đảm đến năm 2020, ít nhất 60% và đến năm 2025, 100% viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

Nội dung bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo tiêu chuẩn quy định.

- Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quy định nội dung bồi dưỡng gồm: lý luận chính trị; kiến thức quốc phòng và an ninh; kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; kiến thức quản lý chuyên ngành, chuyên môn, nghiệp vụ; đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; kiến thức hội nhập quốc tế; tiếng dân tộc, tin học, ngoại ngữ.

- Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức, quy định về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ như sau:

+ Về tiêu chuẩn ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương: “có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam”.



+ Về tiêu chuẩn ngạch chuyên viên chính và tương đương: “có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam”.

+ Về tiêu chuẩn ngạch chuyên viên và tương đương: “có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam”.

+ Về tiêu chuẩn ngạch cán sự và tương đương: “có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam”.

- Đối với viên chức, nhìn chung tiêu chuẩn trình độ ngoại ngữ đối với viên chức được quy định như sau:

+ Viên chức hạng I: Có trình độ ngoại ngữ bậc 4 (B2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

+ Viên chức hạng II: Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

+ Viên chức hạng III: Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

+ Viên chức hạng IV: Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, các bậc này được mô tả tổng quát như sau:

Bậc 1 (A1): Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v... Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.

Bậc 2 (A2): Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm). Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

Bậc 3 (B1): Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

Bậc 4 (B2): Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.

Bậc 5 (C1): Có thể hiểu và nhận biết được hàm ý của các văn bản dài với phạm vi rộng. Có thể diễn đạt trôi chảy, tức thì, không gặp khó khăn trong việc tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện được khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết.

Bậc 6 (C2): Có thể hiểu một cách dễ dàng hầu hết văn nói và viết. Có thể tóm tắt các nguồn thông tin nói hoặc viết, sắp xếp lại thông tin và trình bày lại một cách logic. Có thể diễn đạt tức thì, rất trôi chảy và chính xác, phân biệt được các ý nghĩa tinh tế khác nhau trong các tình huống phức tạp.

## **2 Yêu cầu về thi môn ngoại ngữ khi tuyển dụng và nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức**

Để đảm bảo công chức, viên chức đáp ứng được tiêu chuẩn về ngoại ngữ các ngạch công chức và các hạng viên chức, pháp luật qui định công chức, viên chức ngoài có chứng chỉ ngoại ngữ theo đúng qui định, còn phải thi môn ngoại ngữ khi thi tuyển và thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức, cụ thể như sau:

- Đối với công chức:

+ Thi tuyển công chức được thực hiện theo 2 vòng thi và môn ngoại ngữ thi ở vòng 1 bằng thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức thi trên máy vi tính. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức không có điều kiện tổ chức thi trên máy vi tính thì thi trắc nghiệm trên giấy. Nội dung thi trắc nghiệm gồm 3 phần: Phần I: Kiến thức chung; Phần II: Ngoại ngữ và Phần III: Tin học.

+ Phần II: Ngoại ngữ 30 câu hỏi là một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định. Thời gian thi 30 phút. Đối với vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn là ngoại ngữ thì người dự tuyển không phải thi ngoại ngữ tại vòng 1.

+ Miễn phần thi ngoại ngữ (vòng 1) đối với các trường hợp sau:

Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ;

Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam;

Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cấp có thẩm quyền công nhận.

+ Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

- Đối với viên chức:

+ Thi tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng thi. Môn ngoại ngữ thi ở vòng 1 bằng thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức thi trên máy vi tính. Trường hợp cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức không có điều kiện tổ chức thi trên máy vi tính thì thi trắc nghiệm trên giấy.

+ Thi ngoại ngữ: Ngoại ngữ 30 câu hỏi là một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định. Thời gian thi 30 phút. Đối với vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn là ngoại ngữ thì người dự tuyển không phải thi ngoại ngữ tại vòng 1.

+ Miễn phần thi ngoại ngữ (vòng 1) đối với các trường hợp sau:

Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ;

Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam;

Người dự tuyển làm viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cấp có thẩm quyền công nhận.

+ Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

- Thi nâng ngạch công chức được thực hiện theo 2 vòng thi. Vòng 1: Thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức thi trên máy vi tính. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch công chức không có điều kiện tổ chức thi trên máy vi tính thì thi trắc nghiệm trên giấy. Ngoại ngữ là 1 trong 3 phần thi ở Vòng 1 gồm 30 câu hỏi là một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc theo yêu cầu của ngạch dự thi. Thời gian thi 30 phút.

+ Miễn phần thi ngoại ngữ (vòng 1) đối với các trường hợp sau:

Có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ;

Công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền;

Có bằng tốt nghiệp là bằng ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch dự thi;

Có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch dự thi học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam.

+ Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì công chức dự thi nâng ngạch được dự thi tiếp vòng 2.

Như vậy đối với thi tuyển công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức, công chức, viên chức đều phải thi môn ngoại ngữ là môn điều kiện và phải trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên mới đủ điều kiện dự thi vòng 2. Qui định này đảm bảo cho công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu về chuẩn ngoại ngữ của vị trí việc làm. Nếu việc thi thực hiện nghiêm túc, khách quan, phù hợp sẽ góp phần xây dựng đội ngũ công chức, viên chức có khả năng thực hiện nhiệm vụ hiệu quả trong môi trường làm việc quốc tế.

### **3. Đánh giá chung về hệ thống các quy định và việc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, trình độ ngoại ngữ ; về đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ đối với cán bộ, công chức, viên chức**

#### **3.1. Ưu điểm**

- Hệ thống các qui định pháp luật về tiêu chuẩn, trình độ ngoại ngữ và về đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được ban hành tương đối đầy đủ từ qui định về tiêu chuẩn ngoại ngữ đối với từng ngạch công chức, hạng viên chức; thi ngoại ngữ trong thi tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức, đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Qui định tiêu chuẩn về trình độ, năng lực ngoại ngữ cho từng ngạch công chức, hạng viên chức với mô tả về trình độ ngoại ngữ của từng bậc, tương ứng với từng loại chứng chỉ ngoại ngữ qui định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 24 tháng 01 năm 2014 ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, khá phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của các ngạch công chức, hạng viên chức, đáp ứng được yêu cầu cơ bản của thực thi nhiệm vụ, làm việc trong môi trường quốc tế.

- Hình thức, nội dung môn thi ngoại ngữ khi thi tuyển công chức, viên chức, nâng ngạch công chức được qui định chi tiết, cụ thể, thuận lợi cho việc thực hiện thống nhất trong thực tế.

- Đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được qui định chung đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức từ nội dung, phương pháp hình thức, đánh giá kết quả bồi dưỡng... nhưng khá đầy đủ.

#### **3.2. Hạn chế và nguyên nhân**

- Chưa qui định tiêu chuẩn ngoại ngữ đối với chức danh cán bộ mặc dù đội ngũ này đảm nhiệm hoạt động lãnh đạo, quản lý, có vai trò quan trọng trong hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta.

- Thi tuyển công chức, viên chức cũng như thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức, môn ngoại ngữ thi trắc nghiệm với 30 câu hỏi chưa thể kiểm tra được toàn diện các kỹ năng nghe, nói, đọc viết, nhất là kỹ năng nghe, nói rất quan trọng trong sử dụng ngoại ngữ.

- Qui định về đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức chưa thể hiện được tính đặc thù của đào tạo, bồi dưỡng loại kiến thức này bên cạnh những điểm chung với đào tạo, bồi dưỡng các loại kiến thức khác cần thiết với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Các văn bản hướng dẫn còn chung chung, chưa xác định nhóm đối tượng cụ thể cần thiết nên kết quả còn dàn trải, tốn kém, ít hiệu quả.

## **II. THỰC TRẠNG VỀ TRÌNH ĐỘ, NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

### **1. Thực trạng số lượng, chất lượng, trình độ và năng lực ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

\* Số lượng, chất lượng CBCCVN qua tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị

Theo số liệu tổng hợp từ báo cáo của 50/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 33/48 bộ, ngành, cơ quan Trung ương

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức là 1.681.494 người (Bộ, ngành TW: 143.280 người; Địa phương: 1.538.214 người), trong đó:

- Đội ngũ cán bộ: 90.869 người (Bộ, ngành TW: 29 người; Địa phương: 90.840 người), trong đó:

+ Cấp thứ trưởng và tương đương: 29 người

+ Cấp tổng cục và tương đương: 0

+ Cấp tỉnh: 615 người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và 100 người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

+ Cấp huyện: 4.103 người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và 586 người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

+ Cấp xã: 74.600 người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và 10.836 người không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý.

- Đội ngũ công chức: 314.377 người (Bộ, ngành TW: 88.258 người; Địa phương: 226.119 người), trong đó:

+ Cấp thứ trưởng và tương đương: 81 người

+ Cấp tổng cục và tương đương: 160 người

+ Cấp vụ và tương đương: 4.322 người giữ chức vụ lãnh đạo quản lý và 1.261 người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

+ Cấp phòng và tương đương: 15.347 giữ chức vụ lãnh đạo quản lý và 9.631 người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Đội ngũ viên chức: 1.276.248 người (Bộ, ngành TW: 54.993 người; Địa phương: 1.221.255 người), trong đó:

+ Cấp Vụ và tương đương ở TW: 835 người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và 1822 người không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý;

+ Cấp phòng và tương đương ở TW: 14.834 người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và 35.872 người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

+ Cấp Sở và tương đương ở địa phương: 48.242 người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và 377.181 người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

+ Cấp huyện và tương đương: 71.274 người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và 724.558 người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Về độ tuổi:

+ Cán bộ, công chức, viên chức có độ tuổi dưới 40 là 868.931 người (trong đó, Bộ, ngành TW: 50.833 người; Địa phương: 818.098 người).

+ Cán bộ, công chức, viên chức có độ tuổi từ 40-50 là 537.772 người (trong đó, Bộ, ngành TW: 64.069 người; Địa phương: 473.703 người).

+ Cán bộ, công chức, viên chức có độ tuổi trên 50 là 274.791 người (trong đó, Bộ, ngành TW: 28.378 người; Địa phương: 246.413 người).

- Về ngạch công chức, hạng viên chức: trong tổng số 1.681.494 người, có:

+ Cán sự và tương đương, viên chức hạng IV: 450.935 người (TW: 13.460 người; Địa phương: 437.475 người);

+ Chuyên viên và tương đương, viên chức hạng III: 862.993 người (TW: 94.008 người; Địa phương: 768.985 người);

+ Chuyên viên chính và tương đương, viên chức hạng II: 236.371 người (TW: 25.203 người; Địa phương: 211.168 người)

+ Chuyên viên cao cấp và tương đương, viên chức hạng I: 61.421 người (TW: 4.941 người; Địa phương: 56.480 người).

- Trình độ và năng lực ngoại ngữ của đội ngũ CBCCVC

Theo số liệu tổng hợp báo cáo của 50/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 33/48 Bộ, ngành, cơ quan trung ương, trong tổng số 1.681.494 CBCCVC

+ **Khối bộ, ngành, cơ quan TW:**

Đối với CBCCVC giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý:

110 cán bộ, công chức cấp thứ trưởng và tương đương, 89 người có chứng chỉ bồi dưỡng ngoại ngữ các trình độ (chủ yếu là tiếng Anh trình độ B1 và tương đương) (chiếm 81%), 10 người có bằng tốt nghiệp ngoại ngữ đại học, sau đại học ở trong nước (chiếm 9,1%), 26 người có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành ở nước ngoài (chiếm 23,6%);

160 công chức cấp tổng cục và tương đương, có 527 chứng chỉ bồi dưỡng ngoại ngữ các trình độ (chủ yếu là tiếng Anh), cụ thể: ở trình độ B1 và tương đương (225), tiếp đến là A2 và tương đương (172), A1 và tương đương (78), B2 và tương đương (21), C1 và tương đương (11). Có 18 người có bằng tốt nghiệp ngoại ngữ đại học và sau đại học ở trong nước (chiếm 11,3%), 29 người có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành ở nước ngoài (chiếm 18,1%).

5157 công chức, viên chức cấp vụ và tương đương, 4682 người có chứng chỉ bồi dưỡng ngoại ngữ các trình độ, chiếm 90,8% (chủ yếu là tiếng Anh trình độ B1 và tương đương: 1550 người, chiếm 30,1%), 564 người có bằng tốt nghiệp ngoại ngữ các trường trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học ở trong nước (chiếm 10,9%), 481 người có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài (chiếm 9,3%).

30.181 công chức, viên chức cấp phòng và tương đương, 17.823 người có chứng chỉ bồi dưỡng ngoại ngữ các trình độ (chiếm 59%) (nhiều nhất có chứng chỉ B1 và tương đương, A2 và tương đương), 1956 người (chiếm 6,5%) có bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước từ trung cấp đến sau đại học (chủ yếu là đại học: 1505 người, chiếm 5%), 1300 người có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài (chiếm 4,3%).

Đối với CBCCVC không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý:

Trong tổng số 57.456 công chức, số công chức có chứng chỉ và bằng tốt nghiệp ngoại ngữ tiếng Anh là chủ yếu, trong đó: nhiều nhất là chứng chỉ trình độ B1 và tương đương (37.950 người, chiếm 66%), tiếp đến là A2 và tương đương (18.556 người, chiếm 32,3%). Có 1165 người có bằng tốt nghiệp ngoại ngữ từ trung cấp đến sau đại học ở trong nước (chiếm 2%); 1220 người có bằng tốt nghiệp ĐH, ThS, TS chuyên ngành ở nước ngoài (chiếm 2,1%).

Trong tổng số 39.324 viên chức, số viên chức có chứng chỉ và bằng tốt nghiệp ngoại ngữ tiếng Anh là chủ yếu, trong đó: nhiều nhất là chứng chỉ trình độ B1 và tương đương (8319/8754 người, chiếm 22,3%); tiếp đến là A2 và tương đương (7480/8203 người, chiếm 20,8%). Có 6012 người có bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước các trình độ (chiếm 15,3%), trong đó: Cao đẳng (2967 người), ĐH (2566 người) và sau ĐH (479 người); 2208 người có bằng tốt nghiệp ĐH, ThS, TS chuyên ngành ở nước ngoài (chiếm 5,6%).

**+ Khối địa phương:**

Đối với đội ngũ CBCCVC giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý:

861 CBCC cấp tỉnh, đa số có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng Anh ở trình độ A2 và tương đương (222 người, chiếm 25,7%) và B1 và tương đương (350 người, chiếm

40,6%); có 21 người có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học tiếng Anh ở trong nước (chiếm 2,4%); một số rất ít có bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước và tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài từ trình độ trung cấp đến thạc sĩ, tiến sĩ.

72.898 CCVC cấp Sở và tương đương, đa số có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng Anh ở trình độ A2 và tương đương (40.420 người, chiếm 55,4%) và B1 và tương đương (16.490 người, chiếm 22,6%); có 2442 người có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học tiếng Anh ở trong nước (chiếm 3,3%); một số ít có bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước và tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài từ trình độ trung cấp đến thạc sĩ, tiến sĩ.

98.884 CBCCVC cấp huyện, đa số có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng Anh ở trình độ A2 và tương đương (50.266 người, chiếm 50,8%), tiếp đến là B1 và tương đương (13.606 người, chiếm 13,7%) và A1 và tương đương (12.062 người, chiếm 12,2%); có 2465 người có bằng tốt nghiệp đại học tiếng Anh ở trong nước (chiếm 2,5%); một số ít có bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước và tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài từ trình độ trung cấp đến thạc sĩ.

81.694 CBCC cấp xã, đa số có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng Anh ở trình độ A2 và tương đương (25.588 người, chiếm 31,3%), tiếp đến là trình độ A1 và tương đương (10.891 người, chiếm 13,3%), và B1 và tương đương (5626 người, chiếm 6,9%); có một số ít (310 người) có bằng tốt nghiệp đại học tiếng Anh ở trong nước.

*Đối với đội ngũ CBCCVC không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý:*

339 CBCC cấp tỉnh, đa số có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng Anh ở trình độ B1 và tương đương (350 người, chiếm 103%) và A2 và tương đương (222 người, chiếm 65,5%), A1 và tương đương (90 người, chiếm 26,5%); có 21 người (chiếm 6,2%) có bằng tốt nghiệp đại học, sau ĐH tiếng Anh ở trong nước; 06 người (chiếm 1,8%) có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

422.425 CCVC cấp Sở và tương đương, đa số có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng Anh ở trình độ A2 và tương đương (185.575 người, chiếm 43,9%), A1 và tương đương (56.445 người, chiếm 13,3%) và B1 và tương đương (47.748 người, chiếm 11,3%); có 11.228 người (chiếm 2,6%) có bằng tốt nghiệp đại học tiếng Anh ở trong nước; một số ít có bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước và tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài từ trình độ trung cấp đến thạc sĩ, tiến sĩ.

760.936 CBCCVC cấp huyện, đa số có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng Anh ở trình độ A2 và tương đương (285.096 người, chiếm 37,4%) và A1 và tương đương (97.266 người, chiếm 12,8%); tiếp đến là B1 và tương đương (63.948 người, chiếm 8,4%); có 16.255 người có bằng tốt nghiệp đại học và 805 người có bằng tốt nghiệp sau đại học tiếng Anh ở trong nước (chiếm 2,2%); một số rất ít có bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước trình độ trung cấp, cao đẳng và tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài trình độ trung cấp đến thạc sĩ, tiến sĩ.

100.177 CBCC cấp xã, đa số có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng Anh ở trình độ A2 và tương đương (39.080 người, chiếm 39%), tiếp đến là trình độ A1 và tương đương



(18.217 người, chiếm 18,2%), và B1 và tương đương (3.688 người, chiếm 3,7%); có 260 người có bằng tốt nghiệp đại học tiếng Anh ở trong nước và 03 người tốt nghiệp đại học chuyên ngành ở nước ngoài.

\* Qua điều tra, khảo sát và phỏng vấn sâu

Trong số 729 cán bộ, công chức, viên chức được phỏng vấn, khảo sát (310 người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và 419 người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) đại diện các sở, ban, ngành, các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập và một số cấp huyện, xã của 6 tỉnh (Phú Thọ, Hòa Bình, Đồng Nai, Bình Dương, Hà Tĩnh, Quảng Bình), hầu hết đều biết ngoại ngữ và đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ theo bằng cấp, chứng chỉ trong đó có nhiều người biết nhiều hơn một ngoại ngữ. Số liệu trình bày ở Bảng 1 cho thấy hầu hết cán bộ, công chức, viên chức đều biết tiếng Anh và tỷ lệ này vượt xa tỷ lệ người biết các ngoại ngữ khác. Tiếng Nga đứng ở vị trí thứ 2 với 48 người biết, chiếm 6,5%. Tuy nhiên, số cán bộ, công chức, viên chức biết tiếng này phần lớn thuộc nhóm người có tuổi đời từ 50 trở lên và họ vừa biết tiếng Nga vừa biết tiếng Anh. Tiếng Pháp đứng ở vị trí thứ 3 với 28 người biết, chiếm 3,8% và tiếng Trung Quốc đứng ở vị trí thứ 4 với 24 người biết, chiếm 3,3%. Các ngôn ngữ còn lại (tiếng Nhật, tiếng Hàn và ngoại ngữ khác) có tỷ lệ người biết thấp và phần lớn họ đều là những người trẻ tuổi. Đa số những người biết các ngoại ngữ Nga, Pháp, Đức, Trung, Nhật, Hàn đều biết thêm tiếng Anh. Kết quả này cho thấy các ngôn ngữ Trung, Nhật, Hàn đã bắt đầu gây được sự chú ý của cán bộ, công chức, viên chức trẻ.

**Bảng 1. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức biết các ngoại ngữ**

TT	Ngoại ngữ	Giữ chức vụ (310 người)		Không giữ chức vụ (419 người)	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Tiếng Anh	298	96%	397	94,7%
2	Tiếng Nga	32	10,3%	16	3,8%
3	Tiếng Pháp	9	2,9%	19	4,5%
4	Tiếng Đức	0	0%	1	0,2%
5	Tiếng Trung Quốc	8	2,6%	16	3,8%
6	Khác (Nhật, Hàn...)	4	1,3%	1	0,2%

Mặc dù đa số cán bộ, công chức, viên chức được hỏi đều biết ít nhất một ngoại ngữ (chủ yếu là tiếng Anh), nhưng phần lớn cho biết họ không bao giờ sử dụng ngoại ngữ trong công việc chuyên môn, một số lượng nhỏ có sử dụng nhưng không thường xuyên và chủ yếu để giao tiếp miệng với đối tác nước ngoài, để đọc công văn, thư từ giao dịch và tài liệu chuyên môn, để viết thư từ giao dịch với đối tác nước ngoài hoặc viết báo cáo (Xem Bảng 2).

**Bảng 2: Thực trạng trình độ và năng lực sử dụng ngoại ngữ của CBCCVC**

TT	NN đã học	Số lượng	Tỷ lệ %	NN đang sử dụng trong CV	Số lượng	Tỷ lệ %	NN khi tuyển dụng	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Anh	325	98%	Anh	252	77%	Anh	259	79%
2	Nga	15	4%	Nga	1	0%	Nga	3	1%
3	Pháp	14	4%	Pháp	2	1%	Pháp	3	1%
4	Đức	2	0%	Đức			Đức	2	1%
5	Trung	11	3%	Trung	6	2%	Trung	4	1%
6	NN Khác	12	3%	Không SD	68	21%	NN Khác	0	0%
7							Không yêu cầu	58	18%

Những người có sử dụng ngoại ngữ trong công việc mặc dù không thường xuyên thường là những người trẻ. Việc có sử dụng hay không sử dụng ngoại ngữ trong công tác chuyên môn có mối liên hệ mật thiết với lĩnh vực hoạt động chuyên môn của người trả lời: những người làm việc trong lĩnh vực chuyên môn như văn hóa - thể thao – du lịch, lao động – thương binh – xã hội, thông tin - truyền thông, khoa học – công nghệ có xu hướng sử dụng ngoại ngữ trong công việc (để viết báo cáo, thư từ giao dịch) thường xuyên hơn các lĩnh vực chuyên môn khác, còn các lĩnh vực như giáo dục – đào tạo, y tế, khoa học – công nghệ và môi trường lại có xu hướng sử dụng ngoại ngữ vào các hoạt động chuyên môn như đọc tài liệu và thuyết trình tại các hội nghị, hội thảo nhiều hơn các lĩnh vực khác.

Kết quả qua phỏng vấn, khảo sát thực tế ở các địa phương cho thấy mặc dù tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có sử dụng ngoại ngữ trong công việc cũng đã được đề nghị tự đánh giá về năng lực ngoại ngữ của mình trong các lĩnh vực chuyên môn. Đa số người trả lời cho rằng họ gặp khó khăn khi sử dụng ngoại ngữ trong công việc chuyên môn, cụ thể: phần lớn người được hỏi cho rằng họ gặp khó khăn khi giao tiếp miệng với đối tác nước ngoài; gặp khó khăn khi viết công văn giao dịch, báo cáo và khó khăn khi đọc hiểu các báo cáo, công văn giao dịch. Như vậy, cán bộ, công chức, viên chức không chỉ ít sử dụng ngoại ngữ trong công việc chuyên môn mà khi sử dụng, họ đã gặp nhiều khó khăn trong hầu hết các lĩnh vực hoạt động chuyên môn yêu cầu ngoại ngữ.

## **2. Thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức thời gian qua**

- Kết quả đạt được và những ưu điểm

Thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ và các dự án tăng cường năng lực cho CBCCVC có hợp phần đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, có thể rút ra một số nhận xét, đánh giá sau:

+ Có những chính sách chủ trương đúng đắn, kịp thời về bồi dưỡng ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh cho CBCCVC

+ Triển khai tổ chức bồi dưỡng ngoại ngữ cho CBCCVC có kết quả, góp phần nâng cao năng lực ngoại ngữ cho CBCCVC sử dụng trong thực thi công vụ có kết quả

+ Tổ chức phối hợp tốt giữa các cơ quan nhà nước trong bồi dưỡng ngoại ngữ như: cơ quan Quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng, cơ quan thực hiện đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC và cơ quan sử dụng CBCCVC.

+ Thực hiện xác định nhu cầu đào tạo, tổ chức bồi dưỡng ngoại ngữ, tổ chức đánh giá kết quả thường xuyên, định kỳ.

Tuy nhiên, trong tổ chức triển khai còn có những hạn chế, khó khăn sau:

+ Các văn bản hướng dẫn còn chung chung, chưa xác định nhóm đối tượng cụ thể cần thiết nên kết quả còn dàn trải, tốn kém, ít hiệu quả;

+ Các chương trình ngoại ngữ do các cơ sở ngoại ngữ trong ngành giáo dục thực hiện chung nên phần nào chưa đi sâu vào những chuyên môn cần thiết cho người học; cần có sự kết hợp giữa các cơ sở đào tạo này với các cơ sở bồi dưỡng CBCCVC thì kết quả sẽ tốt hơn;

+ Vẫn còn hiện tượng chạy theo số lượng chưa chú trọng vào bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ, nên hiệu quả kinh tế chưa cao, thực tế sử dụng ngoại ngữ trong công việc chưa đáp ứng yêu cầu;

+ Chưa thực hiện đánh giá độc lập để thấy hiệu quả thực sự của đầu tư vào bồi dưỡng ngoại ngữ cho CBCCVC.

- Nguyên nhân

Với 310 phiếu hỏi dành cho cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý và 419 phiếu hỏi dành cho cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, kết quả cho thấy, nhiều người được hỏi cho rằng kết quả học tập ngoại ngữ phụ thuộc rất nhiều vào động cơ học tập, nếu công việc không bắt buộc họ phải dùng ngoại ngữ thì việc biết hoặc học ngoại ngữ đối với họ chỉ là hình thức, họ có thể biết nhưng không dùng, và có đi học thì kết quả cũng sẽ không cao. Người trả lời cũng cho rằng muốn việc học có hiệu quả thì nội dung và phương pháp dạy - học ngoại ngữ phải tùy thuộc yêu cầu của từng loại công việc. Tuy nhiên, khi được hỏi về sự ưa thích của bản thân, đa số cho rằng họ thích học các kỹ năng nghe - nói hơn là các kỹ năng đọc - viết. Trong số các hoạt động dạy - học, nhiều người thể hiện sự ưa thích dành cho hoạt động học chung cả lớp, dưới sự dẫn dắt của giáo viên, có sự trợ

giúp của các phương tiện nghe nhìn và giáo cụ trực quan. Đặc biệt, nhiều người trả lời cho rằng học nghe – nói thông qua giao tiếp với người bản ngữ là một hình thức học đặc biệt có hiệu quả.

**Bảng 3: Đánh giá về những khóa ĐTBĐ ngoại ngữ trong thời gian qua**

TT	Tiêu chí	Mức độ	CBCCVC giữ chức vụ LĐQL (310)		CBCCVC không giữ chức vụ LĐQL (419)	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Học viên được thông báo rõ ràng về mục tiêu BD	Rất không đồng ý	3	1%	4	1%
		Không đồng ý	16	5%	6	1%
		Đồng ý	96	31%	131	31%
		Rất đồng ý	36	12%	32	8%
		Không trả lời	37	12%	63	15%
		Không có thông tin	122	39%	183	44%
2	Học viên hài lòng với nội dung khóa bồi dưỡng	Rất không đồng ý	1	0%	4	1%
		Không đồng ý	16	5%	12	3%
		Đồng ý	115	37%	137	33%
		Rất đồng ý	20	6%	17	4%
		Không trả lời	39	13%	64	15%
		Không có thông tin	119	38%	185	44%
3	Học viên có thể áp dụng được kiến thức, kỹ năng khóa bồi dưỡng vào trong công việc	Rất không đồng ý	3	1%	3	1%
		Không đồng ý	27	9%	14	3%
		Đồng ý	92	30%	135	32%
		Rất đồng ý	27	9%	21	5%
		Không trả lời	41	13%	63	15%
		Không có thông tin	120	39%	183	44%
4	Học viên có động cơ học tập cao	Rất không đồng ý	24	8%	32	8%
		Không đồng ý	34	11%	76	18%
		Đồng ý	77	25%	84	20%

		Rất đồng ý	54	17%	38	9%
		Không trả lời	8	3%	9	2%
		Không có thông tin	113	36%	180	43%
5	Đơn vị bố trí được lớp học phù hợp	Rất không đồng ý	3	1%	3	1%
		Không đồng ý	20	6%	11	3%
		Đồng ý	96	31%	129	31%
		Rất đồng ý	25	8%	22	5%
		Không trả lời	46	15%	70	17%
		Không có thông tin	120	39%	184	43%

Đa số cán bộ, công chức, viên chức được điều tra, phỏng vấn không hài lòng với trình độ ngoại ngữ của bản thân và cũng không hài lòng với việc dạy - học ngoại ngữ ở Việt Nam. Nhiều nguyên nhân được đưa ra để lý giải năng lực ngoại ngữ kém của người trả lời nói riêng và của người Việt nói chung. Bên cạnh những nguyên nhân chủ quan (như động cơ học tập không rõ ràng, học chỉ để lấy chứng chỉ sau đó không dùng thì dần dần cũng quên) thì các ý kiến đã chỉ ra nhiều nguyên nhân khách quan, các ý kiến tập trung nhấn mạnh đến vai trò của người dạy, vai trò của giáo trình, phương pháp, thiếu cơ hội thực hành và thiếu các phương tiện hỗ trợ cho quá trình dạy - học.

Trong chính sách ngoại ngữ hiện nay ở Việt Nam, tiếng Anh đang chiếm giữ một vai trò đặc biệt quan trọng. Mặc dù ai ai cũng thừa nhận vai trò quan trọng của tiếng Anh trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, dư luận xã hội không hoàn toàn thống nhất với chính sách độc tôn tiếng Anh. Để có một cái nhìn tương đối khách quan, một số câu hỏi đã được hỏi để thăm dò quan điểm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đối với việc học ngoại ngữ (đặc biệt là tiếng Anh) hiện nay. Bảng tổng hợp dưới đây cho thấy quan điểm của CBCCVC về học tiếng Anh để nâng cao năng lực phục vụ công việc ở Việt Nam

#### **Bảng 4: So sánh thực trạng và nhu cầu học ngoại ngữ của CBCCVC**

(Tổng số CBCCVC lấy ý kiến: 329 người)

<b>Ngôn ngữ</b>	<b>Ngoại ngữ đã học</b>	<b>Ngoại ngữ sử dụng trong công việc</b>	<b>Yêu cầu của CQ về BD ngoại ngữ</b>	<b>Ngoại ngữ sử dụng thành thạo nhất</b>	<b>Mong muốn được BD ngoại ngữ</b>

Tiếng Anh	325 (98%)	252 (77%)	270 (82%)	265 (81%)	286 (87%)
Tiếng Nga	15 (4,5%)	1 (0,3%)	1 (0,3%)	2 (0,6%)	1 (0,3%)
Tiếng Pháp	14 (4,2%)	2 (0,6%)	4 (1,2%)	3(0,9%)	4 (1,2%)
Tiếng Đức	2 (0,6%)		2 (0,6%)	0	2 (0,6%)
Tiếng Trung	11 (3,3%)	6 (1,8%)	11 (3,3%)	3 (0,9%)	14 (4,2%)
Ngoại ngữ khác (Nhật, Hàn, Lào...)	12 (3,6%)		41 (12%)	0	15 (4,5%)

Kết quả khảo sát cho thấy yêu cầu bắt buộc tiếng Anh đối với cán bộ, công chức, viên chức được đa số ý kiến tán thành nhưng ở các mức độ khác nhau. Lưu ý rằng, có nhiều người được hỏi biết tiếng Anh, có nghĩa là có tỷ lệ nhất định số người không đồng ý với chính sách bắt buộc tất cả cán bộ, công chức, viên chức phải biết tiếng Anh. Những người này cho rằng cán bộ, công chức, viên chức cần phải biết ngoại ngữ để nâng cao hiệu quả công việc, nhưng họ chỉ nên học ngoại ngữ nào cần thiết đối với công việc của họ và đó không nhất thiết phải là tiếng Anh. ...

Đề vấn đề dạy - học ngoại ngữ và sử dụng ngoại ngữ trong các cơ quan nhà nước thực sự có hiệu quả, những người trả lời đã nhấn mạnh sự cần thiết phải có chính sách vừa bắt buộc vừa khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học ngoại ngữ thông qua các chế độ ưu tiên về tuyển dụng, tăng lương, trọng dụng những người giỏi ngoại ngữ, mở các lớp học miễn phí ... và họ đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tạo môi trường sử dụng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan của nhà nước.

Đối với việc dạy - học ngoại ngữ, những người được hỏi cũng bày tỏ mong muốn Nhà nước đưa ra một chính sách sử dụng ngoại ngữ phù hợp hơn, đầu tư nhiều hơn nữa cho việc dạy - học ngoại ngữ, có chính sách mở cửa và xã hội hóa việc dạy - học ngoại ngữ, đa dạng hóa các hình thức dạy - học ngoại ngữ.

Những người được hỏi cũng cho rằng phương pháp dạy - học ngoại ngữ cần phải đổi mới nhiều hơn nữa theo hướng nâng cao thực hành, rèn luyện các kỹ năng giao tiếp. Bên cạnh việc đổi mới chương trình, tài liệu, phương pháp và phương tiện dạy - học ngoại ngữ, những người trả lời cho rằng cần chú ý tuyển chọn và đào tạo giáo viên, giảng viên dạy ngoại ngữ đủ năng lực chuyên môn (kể cả giáo viên, giảng viên là người bản ngữ), quan tâm đến chế độ để giáo viên tập trung vào công việc giảng dạy.

**III. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức của các bộ, ngành, địa phương góp phần xây dựng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế**

\* Qua tổng hợp báo cáo của 33 bộ, ngành, cơ quan Trung ương và 50 địa phương

- Đối với các bộ, ngành, cơ quan Trung ương:

+ Trong tổng số 110 cấp thứ trưởng và tương đương, 160 cấp tổng cục và tương đương, hầu hết không có nhu cầu học ngoại ngữ, ngoại trừ có 06 người cấp thứ trưởng và tương đương có nhu cầu học chứng chỉ tiếng Anh B1 (chiếm 5,4%); 48 người cấp tổng cục và tương đương có nhu cầu học tiếng Anh trình độ B1, B2, C1, C2 (chiếm 30%) và có 07 người có nhu cầu học tiếng Pháp trình độ B1, B2, C1 (chiếm 4,4%).

+ Trong tổng số 5157 cấp vụ và tương đương, đa số có nhu cầu học ngoại ngữ tiếng Anh và tập trung vào chứng chỉ các trình độ B1, B2, C1, C2 (1385 người, chiếm 26,8%); một số ít có nhu cầu học ngoại ngữ tiếng Anh trình độ đại học, sau đại học ở trong nước (79 người, chiếm 1,5%) và 44 người (chiếm 0,8%) có nhu cầu học đại học, thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành ở nước ngoài (chủ yếu là tiếng Anh). Với các ngoại ngữ khác (Nga, Pháp, Đức, Trung) số có nhu cầu học rất ít, không đáng kể.

+ Trong tổng số 30.181 cấp phòng và tương đương, nhu cầu học ngoại ngữ tiếng Anh chứng chỉ trình độ B1 là nhiều nhất (3351 người, chiếm 11,1%), tiếp theo là trình độ B2 (1447 người, chiếm 4,8%), C2 (1003 người người, chiếm 3,3%), C1 (981 người, chiếm 3,2%).

Các ngoại ngữ còn lại (Pháp, Nga, Đức, Trung...), nhu cầu học ở các trình độ cũng có nhưng rất ít, cụ thể: lấy chứng chỉ (707 người, chiếm 2,3%) và đào tạo bằng tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành ở nước ngoài (616 người, chiếm 2%).

+ Đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (45.503 người), nhu cầu học ngoại ngữ cũng tập trung chủ yếu là tiếng Anh và lần lượt ở các trình độ B1 (13.439 người, chiếm 29,5%), B2 (6350 người, chiếm 14,3%), C1 (6862 người, chiếm 15%), A2 (4721 người, chiếm 10,3%); tiếp theo là đào tạo ngoại ngữ ở các trình độ đại học, sau đại học trong nước; thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành ở nước ngoài. Và sau tiếng Anh là nhu cầu học tiếng Nga, Pháp, Trung.... nhưng số lượng cũng không nhiều.

- Đối với các địa phương

+ Trong tổng số 1200 cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, có 395 người (chiếm 33,2%) có nhu cầu học chứng chỉ tiếng Anh các trình độ B1 (225 người), A2 (76 người), B2 (63 người), A1 (24 người), C1 (6 người) và 15 trường hợp đăng ký nhu cầu học ngoại ngữ trình độ đại học và sau đại học trong nước, 7 trường hợp có nhu cầu học thạc sĩ ở nước ngoài. Hầu hết không có nhu cầu bồi dưỡng đối với các ngoại ngữ khác.

+ Trong tổng số 495.323 công chức, viên chức cấp sở và tương đương (72.898 người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và 422.425 người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý), học tiếng Anh các trình độ cũng là nhu cầu chủ yếu đối với đội ngũ công chức viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, nhiều nhất là trình độ B1 (11.355 người, chiếm 15,5%), tiếp đến là trình độ A2 (5281 người, chiếm 7,2%), B2 (2260

người, chiếm 3,1%), C1 (568 người, chiếm 0,8%), A1 (555 người, chiếm 0,7%). Một số có nhu cầu đào tạo ngoại ngữ trình độ đại học, sau đại học ở trong nước (700 người, chiếm 0,9%) và đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành ở nước ngoài (351 người, chiếm 0,5%). Sau tiếng Anh là nhu cầu học tiếng Trung các trình độ (781 người), tiếng Pháp các trình độ (308 người) nhưng số lượng không nhiều.

+ Trong tổng số 1.355.143 cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện (98.884 người giữ chức vụ LĐQL, 760.936 người không giữ chức vụ LĐQL), nhu cầu học tiếng Anh cũng được quan tâm nhiều nhất, đặc biệt ở trình độ B1 (29.229 LĐQL, chiếm 29,5%; 32.019 không LĐQL, chiếm 4,2%), tiếp theo là A2 (8141 LĐQL, chiếm 8,2%; 44.553 không LĐQL, chiếm 5,8%), B2 (1883 LĐQL và 6121 không LĐQL), A1 (1281 LĐQL và 8892 không LĐQL); một số có nhu cầu học đại học và sau đại học ngoại ngữ ở trong nước và học đại học, thạc sĩ chuyên ngành ở nước ngoài nhưng không đáng kể.

Sau tiếng Anh là nhu cầu học lấy chứng chỉ tiếng Pháp và tiếng Trung ở các trình độ nhưng nhu cầu không lớn.

+ Trong tổng số 181.871 cán bộ, công chức cấp xã (81.694 người giữ chức vụ LĐQL, 100.177 người không giữ chức vụ LĐQL), nhu cầu học tiếng Anh trình độ A2 là nhiều nhất (7341 LĐQL, chiếm 8,9% và 10.482 không LĐQL, chiếm 10,4%), tiếp đến là trình độ B1 (5395 LĐQL và 5961 không LĐQL), các trình độ còn lại nhu cầu rất ít.

Sau tiếng Anh là nhu cầu học lấy chứng chỉ tiếng Nga, Pháp và Trung nhưng số lượng rất ít, không đáng kể.

\* Qua điều tra, khảo sát và phỏng vấn trực tiếp tại một số bộ, ngành và địa phương

Đa số cán bộ, công chức, viên chức được hỏi trả lời rằng họ tuy biết ngoại ngữ nhưng không bao giờ sử dụng nó trong các hoạt động chuyên môn, và đa số đều khẳng định ngoại ngữ cần thiết cho công việc của họ.

Tuy nhiên, nhu cầu của cán bộ, công chức, viên chức đối với từng ngoại ngữ có khác nhau. Bảng 1&2 dưới đây cung cấp thông tin về thực tế sử dụng và nhu cầu đối với một số ngoại ngữ phổ biến ở Việt Nam. Có đến 87% người được điều tra trả lời cho rằng họ cần tiếng Anh cho công việc của họ và tỷ lệ này bỏ xa nhu cầu đối với các ngoại ngữ khác. Mặc dù cần thiết ở mức độ thấp, nhưng tiếng Trung cũng là ngoại ngữ được xem là cần thiết cho công việc của cán bộ, công chức, viên chức nhiều hơn là tiếng Nga, tiếng Pháp (4% cần tiếng Trung).

**Bảng 5: Thực trạng và nhu cầu học ngoại ngữ của CBCCVC**

TT	NN sử dụng thành thạo nhất	Số lượng	Tỷ lệ %	NN mong muốn được học	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Anh	265	81%	Anh	286	87%



2	Nga	2	1%	Nga	1	0%
3	Pháp	3	1%	Pháp	1	0%
4	Đức	0	0%	Đức	2	1%
5	Trung	3	1%	Trung	14	4%
6	Khác	0	0%	Khác	15	4%
7	Không sử dụng được	33	10%			
8	Không có thông tin	23	7%	Không có thông tin	23	7%

(Tổng số phiếu điều tra: 329 phiếu; tỷ lệ % làm tròn)

Đối với đa số người trả lời thì ngoại ngữ cần cho công việc của họ cũng chính là ngoại ngữ mà họ biết tốt nhất. Tuy nhiên, với các ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh thì tình hình có hơi khác. So sánh Bảng 1 và 2 có thể thấy sự chênh lệch nhất định giữa năng lực và nhu cầu: có một số lượng nhất định cán bộ, công chức có thể sử dụng được các ngoại ngữ Nga, Pháp, Đức nhưng các ngoại ngữ này lại không cần cho công việc của họ (cụ thể: có 4% cán bộ, công chức, viên chức biết tiếng Nga nhưng lại có 0% cho rằng không sử dụng tiếng Nga cần cho công việc của họ; 4% biết tiếng Pháp, nhưng chỉ có 1% sử dụng tiếng Pháp cho công việc). Ngược lại, có một số lượng cán bộ, công chức, viên chức cần tiếng Trung và ngoại ngữ khác (Nhật, Hàn...) để phục vụ cho công việc của mình nhưng lại không biết những ngoại ngữ này. Kết quả này cho thấy có tình trạng đào tạo ngoại ngữ chưa thực sự phù hợp với nhu cầu của công việc đối với những ngoại ngữ khác không phải là tiếng Anh.

Khi được hỏi về nhu cầu nâng cao trình độ ngoại ngữ, 40% cán bộ, công chức, viên chức khẳng định rằng họ mong muốn được tạo điều kiện để nâng cao trình độ ngoại ngữ hàng năm (mỗi năm đi học 1 lần). Tỷ lệ cao thuộc về các nhóm cán bộ, công chức, viên chức dưới 40 tuổi, những người mới đi làm, những người có học vấn từ đại học trở lên. Tuy nhiên, chỉ có khoảng ...% những người có nhu cầu nâng cao trình độ ngoại ngữ thông báo rằng họ được cơ quan chủ quản tạo điều kiện cho đi học hoặc thực tập ngoại ngữ. Đa số cho rằng hình thức học hiệu quả nhất đối với họ là học tập trung, theo lớp, tuy nhiên những người trẻ (dưới 40 tuổi) có tỷ lệ thích theo học theo các lớp cao hơn nhóm trên 40 tuổi và nhóm trên 40 tuổi có tỷ lệ thích tự học cao hơn. Những cán bộ, công chức, viên chức có học vấn cao hơn (từ thạc sĩ trở lên) cũng có tỷ lệ thích tự học ngoại ngữ cao hơn các nhóm cán bộ, công chức, viên chức có trình độ học vấn thấp hơn (đại học trở xuống).

**Bảng 6: Tổng hợp nhu cầu nâng cao năng lực ngoại ngữ của CBCCV**

TT	Lĩnh vực công việc cần NN	Số lượng	Tỷ lệ %	Nhu cầu rèn kỹ	Số lượng	Tỷ lệ %
----	---------------------------	----------	---------	----------------	----------	---------

				<b>năng NN</b>		
1	Lễ tân ngoại giao	80	24%	Nghe	249	75,6%
2	Phiên dịch cao cấp	5	1,5%	Nói	264	80,2%
3	Hỗ trợ công việc chuyên môn	212	64%	Đọc	164	49,8%
4	Hợp tác quốc tế, ký kết thỏa thuận	32	10%	Viết	167	50,7%
5	Hoạt động thông tin đối ngoại	46	14%	Dịch	79	24%
6	Khác (Giao tiếp, du lịch, đọc dịch tài liệu...)	22	7%	Khác		

(Tổng số phiếu điều tra: 329 phiếu)

#### **IV. Kinh nghiệm tổ chức bồi dưỡng ngoại ngữ thời gian qua**

##### **3.1. Các chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ của Đề án Ngoại ngữ Quốc gia**

Với yêu cầu về ngoại ngữ (đặc biệt là tiếng Anh) hiện nay, các nhóm đối tượng có nhu cầu nâng cao năng lực ngoại ngữ cấp thiết nhất bao gồm giáo viên, giảng viên ngoại ngữ (nhất là tiếng Anh); giáo viên, giảng viên dạy các môn học/chuyên ngành khác bằng ngoại ngữ (phổ biến là tiếng Anh); sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học (chuyên và không chuyên ngữ); cán bộ, công chức, viên chức của một số ngành nghề cần sử dụng ngoại ngữ/tiếng Anh trong công việc, như các ngành ngoại giao, ngoại thương, các đơn vị xuất nhập khẩu, các ngành dịch vụ, sản xuất có đối tác nước ngoài v.v.

3.1.1 Các chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ/tiếng Anh cho giáo viên, giảng viên

###### **3.1.1.1 Đối tượng và yêu cầu bồi dưỡng**

Đối tượng bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh của Đề án NNQG gồm giáo viên, giảng viên tiếng Anh và giáo viên, giảng viên dạy các môn học, các chuyên ngành khác bằng tiếng Anh. Đối với giáo viên, giảng viên tiếng Anh, để đảm bảo yêu cầu về trình độ năng lực ngoại ngữ theo qui định, giáo viên tiếng Anh tiểu học và THCS cần đạt trình độ năng lực bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (KNLNNVN) hoặc tương đương với bậc B2 theo Khung tham chiếu châu Âu, giảng viên tiếng Anh cao đẳng, đại học cần đạt bậc 5(KNLNNVN)/C1(CEFR). Đây là trình độ cần có để giao viên vững tin giảng dạy tiếng Anh cho học sinh, sinh viên theo chương trình và tài liệu cập nhật hiện nay. Đối với giáo viên, giảng viên giảng dạy các môn học hoặc các chuyên ngành khác bằng tiếng Anh, trình độ năng lực tiếng Anh tối thiểu là Bậc 4/B2. Đối với sinh viên cao đẳng, đại học không chuyên khi

ra trường phải có năng lực ngoại ngữ/tiếng Anh bậc 3 (KNLNNVN) hoặc B1(CEFR). Với các sinh viên chuyên tiếng Anh, trình độ năng lực tiếng cần đạt là Bậc 5 (C1).

### 3.1.1.2 Thời lượng, cách thức bồi dưỡng

Các chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh cho giáo viên, giảng viên là các chương trình tiếng Anh học thuật. Bài thi đầu ra được xác định theo chuẩn nên thời lượng bồi dưỡng yêu cầu phải đủ để người học có thể nâng cao 1 bậc năng lực tiếng Anh của mình sau khi kết thúc 1 khóa bồi dưỡng. Cách thức bồi dưỡng cũng được cải tiến để nhằm bảo đảm chất lượng đầu ra cho người học.

Chương trình bồi dưỡng năng lực tiếng Anh cho giáo viên, giảng viên tiếng Anh do 10 đơn vị bồi dưỡng được Bộ Giáo dục và Đào tạo lựa chọn tự thiết kế dựa trên hướng dẫn chung của Bộ và Đề án NNQG. Yêu cầu của khóa bồi dưỡng là đưa người học tăng một bậc năng lực tiếng Anh sau khi kết thúc khóa bồi dưỡng. Người tham gia bồi dưỡng được yêu cầu có đầu vào cụ thể trước khi đi bồi dưỡng, ví dụ đầu bậc 3 sẽ bồi dưỡng dưỡng đạt bậc 4, đầu vào bậc 4 bồi dưỡng để đạt bậc 5. Trước khóa bồi dưỡng thường có các bài kiểm tra đầu vào để xếp lớp cho học viên và kiểm tra lại một lần nữa đầu vào của người đi bồi dưỡng.

Mỗi khóa bồi dưỡng có độ dài 400 tiết, trong đó 300 tiết bồi dưỡng trực tiếp trên lớp, 100 tiết học tự học trực tuyến. Hình thức bồi dưỡng là hình thức học kết hợp (kết hợp giữa việc tự học trực tuyến và việc học trên lớp có giáo viên hướng dẫn). Hầu hết các khóa bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh do 10 đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo lựa chọn (Đại học Thái Nguyên, Trường ĐHNH – Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Trường ĐH Hà Nội, Trường ĐH Vinh, Trường ĐHNH – Đại học Huế, Trường ĐHNH – Đại học Đà Nẵng, Trường ĐHSP Tp. HCM, Trường ĐH Cần Thơ và SEAMEO RETRAC) đều tuân thủ theo hướng dẫn này từ năm 2011 tới nay. Đây là thời lượng theo qui định, ngoài ra người được bồi dưỡng còn đầu tư thêm thời gian cho việc tự học, tự ôn luyện.

### 3.1.1.3 Tài liệu, giáo trình bồi dưỡng

Tài liệu và giáo trình bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh trong các khóa bồi dưỡng giáo viên, giảng viên rất đa dạng và phong phú. Giáo trình gồm 02 loại chính: Giáo trình giấy và giáo trình điện tử. Giáo trình giấy thường là các bộ giáo trình 4 kỹ năng được xây dựng theo chuẩn đầu ra là các bậc năng lực theo Khung tham chiếu châu Âu (CEFR) cập nhật nhất của các Nhà xuất bản nổi tiếng thế giới (Bộ Solutions của NXB Oxford, bộ Life của NXB Cengage, bộ New English File v.v). Giáo trình điện tử thường là các chương trình tiếng Anh đa phương tiện của các tổ chức giáo dục hoặc Nhà xuất bản nổi tiếng thế giới (Chương trình DynEd dành cho người lớn của Tập đoàn DynEd Hoa Kỳ, Chương trình EDO của Israel, Chương trình tiếng Anh 6 bậc học qua mạng của Cengage Learning v.v).

Cùng với các tài liệu nói trên, các khóa bồi dưỡng còn sử dụng thêm các tài liệu do giáo viên lựa chọn từ các tài liệu định hướng thi như các cuốn luyện thi TOEFL, IELTS của các Nhà xuất bản trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, không thể không nói tới hệ thống các bài kiểm tra, ôn tập theo định dạng bài thi VSTEP (bài thi đánh giá

năng lực tiếng Anh 4 kỹ năng từ bậc 3 đến bậc 5 của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Khung NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam). Các hệ thống bài học này giúp người học vững tin hơn, chuẩn bị cho các kỳ thi đầu ra.

3.1.2 Các chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh cho cán bộ, công chức

#### 3.1.2.1 Đối tượng và yêu cầu bồi dưỡng

Từ năm 2011, một số cơ quan, đơn vị đã tổ chức bồi dưỡng năng lực tiếng Anh cho đội ngũ cán bộ, công chức của đơn vị. Cụ thể: Năm 2014, trường ĐHNN-ĐHQGHN triển khai bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh từ trình độ A1-A2, A2-B1, B2 cho đối tượng là cán bộ, giảng viên của ĐHQGHN theo Đề án Ngoại ngữ Quốc gia; Từ năm 2017 đến nay, trường ĐHNN-ĐHQGHN đang tổ chức bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức (lĩnh vực hải quan, thuế, ngoại vụ, biên phòng) khu vực Tây Bắc theo Chương trình Tây Bắc....

#### 3.1.2.2 Thời lượng, cách thức bồi dưỡng

Tương tự các chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh cho giáo viên, giảng viên, học viên khóa bồi dưỡng năng lực tiếng Anh cho các bộ quản lý tại ĐHQGHN phải trải qua kỳ thi đầu ra được xác định theo chuẩn CEFR. Yêu cầu của khóa bồi dưỡng là đưa người học tăng bậc năng lực tiếng Anh sau khi kết thúc khóa. Thời lượng bồi dưỡng của khóa này là 400 giờ, bao gồm 300 giờ lên lớp và 100 giờ tự học có hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá sát sao của giảng viên. Đây là thời lượng được tính toán là vừa đủ để người học có thể nâng cao 1 bậc năng lực tiếng Anh của mình sau khi kết thúc 1 khóa bồi dưỡng theo kinh phí của Đề án NNQG.

Đối với Chương trình bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ theo Chương trình Tây Bắc, trường ĐHNN-ĐHQGHN thực hiện khảo sát nhu cầu và xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo nhu cầu cụ thể của đối tượng học viên (cụ thể các lĩnh vực hải quan, du lịch, ngoại vụ, ...).

#### 3.1.2.3 Tài liệu, giáo trình bồi dưỡng

Tài liệu và giáo trình bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh trong các khóa bồi dưỡng cán bộ quản lý rất đa dạng và phong phú. Giáo trình gồm 02 loại chính: Giáo trình bắt buộc sử dụng trong 300 tiết học trên lớp và tài liệu tham khảo cho 100 tiết tự học. Giáo trình trên lớp cho mục tiêu A2, B1 gồm New English File –Pre-Intermediate và Intermediate, IELTS on Track, Longman Preparation Course for the TOEFL Test; giáo trình bắt buộc cho lớp mục tiêu B2 là các cuốn New English File – Upper-Intermediate, TOEFL Reading Flash, The Heinle & Heinle TOEFL Test Assistant – Listening, TOEFL Grammar Flash, 15 Days’ Practice for IELTS Speaking, 15 Days’ Practice for IELTS Writing và các bộ giáo trình khác.

Cùng với các tài liệu nói trên, các khóa bồi dưỡng còn sử dụng thêm các tài liệu do giáo viên lựa chọn từ các tài liệu theo định hướng thi như các cuốn luyện thi TOEFL, IELTS của các Nhà xuất bản trong và ngoài nước. Tài liệu tham khảo cho 100 tiết tự học được giới thiệu (nhưng không giới hạn) cho lớp A2, B1 là các cuốn

Basic IELTS Speaking, Basic IELTS Writing, English Pronunciation in Use – Elementary, New Round-Up 3 - English Grammar Practice, TOEIC Icon LC Basic, Pronunciation: Pronunciation Powers (CDs), Destination B1; tài liệu cho lớp B2 được gọi ý là Essay Writing for English Tests, TOEIC Icon LC Intensive, English Pronunciation in Use – Intermediate, New English File –Upper-Intermediate, Destinations B2: Grammar & Vocabulary, vv. Các tài liệu này có thể được cung cấp dưới dạng bản mềm để tiết kiệm chi phí cho học viên.

Ngoài ra, đối với những khóa học với nhu cầu cụ thể, đơn vị bồi dưỡng xây dựng giáo trình, tài liệu giảng dạy riêng đáp ứng nhu cầu cụ thể của người học.

### **3.2. Các chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh khác đang được triển khai tại các cơ sở, đơn vị đào tạo bồi dưỡng tiếng Anh**

3.2.1. Thực hiện Quyết định số 2375/QĐ-TTg ngày 28/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về “Đề án bồi dưỡng nghiệp vụ đối ngoại, ngoại ngữ và biên phiên dịch dành cho công chức ngoại vụ địa phương giai đoạn 2011 – 2015” và Quyết định số 247/QĐ-TTg ngày 16/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bồi dưỡng nghiệp vụ đối ngoại, ngoại ngữ, biên phiên dịch cho công chức ngoại vụ địa phương giai đoạn 2016 – 2020

- Giai đoạn 2011 – 2015, kết quả đạt được vượt mục tiêu Đề án đề ra là 50% Giám đốc Sở Ngoại vụ đáp ứng đủ tiêu chuẩn tại Thông tư số 01/2009/TT-BNG ngày 22/5/2009 của Bộ Ngoại giao. Theo đó, đã có 75% Giám đốc Sở Ngoại vụ/Trưởng cơ quan Ngoại vụ của 62 tỉnh, thành phố trong cả nước đã qua các lớp bồi dưỡng của Đề án; 80% có trình độ sử dụng tiếng Anh thông thạo, bên cạnh đó có 1,8% sử dụng được ngoại ngữ có chung biên giới với địa phương; hoàn thành mục tiêu 50% công chức có kỹ năng tiếng Anh thực hành thành thạo. Đặc biệt, các học viên đã học nhiều kỹ năng khó của phiên dịch như dịch ca-bi-n, soạn thảo văn bản đối ngoại...; Trong 5 năm đã có 70 công chức ngoại vụ (hay 30% trong tổng số 203 biên phiên dịch viên của địa phương trên toàn quốc) được đào tạo, đạt mục tiêu ít nhất 01 biên phiên dịch tiếng nước giáp biên trong 25 tỉnh biên giới, và từ 01-02 biên phiên dịch tiếng Anh cho mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Các cơ sở đào tạo của Bộ Ngoại giao được giao trực tiếp thực hiện các chương trình của Đề án là cơ sở có kinh nghiệm và uy tín trong bồi dưỡng kiến thức quan hệ quốc tế và ngoại ngữ; có thế mạnh trong việc huy động và mời các chuyên gia, giảng viên có trình độ chuyên môn cao và các chuyên gia, giảng viên người bản xứ để giảng dạy ngoại ngữ, biên phiên dịch đối ngoại.

- Giai đoạn 2016 – 2020, mục tiêu đặt ra về trình độ ngoại ngữ là: 90% lãnh đạo ngoại vụ có trình độ ngoại ngữ đảm bảo yêu cầu công tác đối ngoại; mỗi tỉnh, thành có tối thiểu 02 cán bộ được bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng biên – phiên dịch cao cấp tiếng Anh; mỗi tỉnh có ít nhất 03 biên phiên dịch ngoại ngữ cao cấp của nước có chung biên giới là tiếng Trung, Lào, Khmer; mỗi năm cử 05 học viên cán bộ có trình độ ngoại ngữ giỏi của các Sở/Phòng ngoại vụ ở các tỉnh có chung đường biên giới

(Trung tâm Biên phiên dịch Quốc gia, Bộ Ngoại giao tuyển chọn) đi đào tạo chuyên sâu biên phiên dịch cấp cao ở Lào, Campuchia và Trung Quốc.

Nội dung, chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ bao gồm:

- Ngoại ngữ tiếng Anh thực hành: soạn thảo văn bản, văn kiện đối ngoại chuyên sâu phục vụ công tác hội nhập quốc tế, hợp tác quốc tế cấp địa phương; tiếng Anh giao tiếp đối ngoại; đàm phán đối ngoại nâng cao bằng tiếng Anh.

- Biên phiên dịch tiếng Anh, Trung, Lào, Khmer và một số ngoại ngữ khác theo yêu cầu cụ thể của địa phương.

### 3.2.2. Các chương trình bồi dưỡng khác

Các chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh hiện nay vô cùng đa dạng. Các chương trình được triển khai chủ yếu tại các Trung tâm ngoại ngữ trong nước và quốc tế. Để lên một bậc năng lực tiếng Anh, theo lý thuyết người học cần học tối thiểu 200 giờ. Tuy nhiên thời lượng này có đủ để lên được một bậc năng lực hay không còn tùy thuộc vào các yếu tố như giáo viên, tài liệu và đặc biệt là bản thân người học.

Với các Trung tâm ngoại ngữ quốc tế có uy tín hiện nay trên thị trường Việt nam, các chương trình bồi dưỡng thường có 2 loại: Các khóa học theo bậc năng lực (Bậc A1, A2, B1, B2 v.v) hoặc tập trung vào phát triển ngữ pháp hoặc kỹ năng nghe nói. Các khóa học này thường được chia thành các khóa nhỏ, mỗi khóa khoảng 30 – 40 giờ học và học phí mỗi khóa khoảng 6 - 10 triệu đồng/khóa. Loại chương trình thứ hai là Chương trình bồi dưỡng để thi lấy một chứng chỉ quốc tế: ví dụ các Chương trình luyện thi IELTS của Hội đồng Anh. Mỗi khóa thường có mục tiêu lên 1 band/điểm, ví dụ khóa IELTS 4.0 – 5.0 hoặc 5.5-6.5. Mỗi khóa kéo dài khoảng 72 giờ, sau khi kết thúc khóa học người học có thể đăng lý thi lấy chứng chỉ IELTS hoặc các chứng chỉ tương đương khác. Hiện tại các khóa học của Hội đồng Anh đều có thêm thời lượng tự học trên mạng cho học viên, ví dụ 30 giờ học trên mạng theo tài khoản được cấp. Với các khóa học của các trung tâm quốc tế này, 100% giáo viên nước ngoài và có thể có trợ giảng người Việt.

Với các trung tâm trong nước, các chương trình nâng cao năng lực tiếng Anh cũng thường có các khóa học nâng bậc và các khóa luyện thi lấy chứng chỉ trong nước (VSTEP) và chứng chỉ quốc tế (IELTS, TOEFL, TOEIC) v.v. Tại các trung tâm ngoại ngữ trong nước giáo viên phần lớn là giáo viên Việt Nam. Cũng có một số khóa học có thêm người nước ngoài tham gia giảng dạy (chủ yếu tập trung vào luyện phát âm và nói). Hầu hết các trung tâm ngoại ngữ hiện nay đều chưa được kiểm định chất lượng, vì vậy chất lượng dạy và học còn là vấn đề nhiều người băn khoăn.

## **3.3. Những thuận lợi và khó khăn trong triển khai bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ, tiếng Anh**

### 3.3.1 Thuận lợi

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ nói chung và cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nói riêng đã được Đảng, Nhà nước quan tâm chú

trọng phát triển; đã có nhiều chủ trương, chính sách và các văn bản chỉ đạo hướng dẫn thực hiện; Bên cạnh đó phải kể đến các văn bản quy định tiêu chuẩn của cán bộ, công chức, viên chức, trong đó quy định ngoại ngữ là một tiêu chuẩn bắt buộc cán bộ, công chức, viên chức phải đạt một trình độ năng lực ngoại ngữ nhất định theo yêu cầu của ngành, chức danh và vị trí công tác.

- Học viên nhiệt tình, có thái độ tích cực với việc học ngoại ngữ/tiếng Anh. Đặc biệt quá trình triển khai các khoá bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức từ trung ương đến địa phương đã tạo ra một phong trào học tập nâng cao năng lực ngoại ngữ trong công vụ. Việc triển khai tổ chức các khoá bồi dưỡng ngoại ngữ từ trung ương đến địa phương đã đáp ứng được các nhu cầu học tập của cán bộ, công chức, viên chức trong việc hoàn thiện các tiêu chuẩn yêu cầu và nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ trong công việc. Về phía học viên đã tạo được những động cơ tương đối tốt trong việc vươn lên làm chủ một ngoại ngữ có ích trong công việc.

- Chương trình, tài liệu dạy và học ngoại ngữ đa dạng, dồi dào giúp cho người thiết kế các khóa bồi dưỡng có nhiều lựa chọn.

Nội dung tài liệu được đội ngũ giáo viên, giảng viên chuẩn bị chu đáo, đảm bảo mang đến cho học viên tài liệu phù hợp.

Đội ngũ giảng viên, giáo viên được lựa chọn từ các đơn vị chuyên môn là một trong những điều kiện đảm bảo cho khóa học bồi dưỡng ngoại ngữ đạt kết quả tốt.

- Việc thực hiện chủ trương bồi dưỡng ngoại ngữ của Nhà nước đã được các cấp, các ngành chú trọng tổ chức thực hiện. Cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan, đơn vị tạo điều kiện tham gia học ngoại ngữ cả về thời gian và nguồn lực tài chính. Các khóa học được nghiên cứu, tổ chức linh hoạt để tạo điều kiện tốt cho học viên có thể thu xếp thời gian theo học.

- Việc đánh giá trình độ ngoại ngữ của cán bộ, công chức, viên chức sau khóa bồi dưỡng ngoại ngữ đã được chú ý và thực hiện trong những hoàn cảnh cho phép, và kết quả cho thấy trình độ ngoại ngữ của cán bộ, công chức, viên chức đã được nâng lên và một số cán bộ, công chức, viên chức đã sử dụng được ngoại ngữ trong công việc như nghe, nói và dịch thuật.

- Trang thiết bị, công nghệ phục vụ dạy và học ngoại ngữ phát triển giúp cho quá trình học hiệu quả hơn.

- Nhu cầu về sử dụng ngoại ngữ trong công việc của cán bộ, công chức, viên chức cũng như ở các nhóm ngành nghề ngày càng nhiều hơn; điều này tạo động lực trong việc học ngoại ngữ.

### 3.3.2 Khó khăn

- Không có môi trường học và sử dụng ngoại ngữ thường xuyên nên động lực học chưa cao, hiệu quả bồi dưỡng ngoại ngữ còn hạn chế.

Qua sơ tổng kết công tác bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức cho thấy việc đầu tư kinh phí, sức người, cơ sở vật chất được chú trọng, nhưng hiệu quả chưa như mong muốn, kết quả số người qua bồi dưỡng ngoại

ngữ sử dụng được trong công việc chưa nhiều, số người duy trì năng lực ngoại ngữ sau thời gian dài công tác chưa cao. Lý do chính là cá nhân không tiếp tục duy trì trình độ ngoại ngữ của mình, cùng với môi trường công tác ít tiếp xúc và chạm với người nước ngoài, nhu cầu nghiên cứu tài liệu nước ngoài chưa cao, nên hầu hết vốn ngoại ngữ của cán bộ, công chức, viên chức hao mòn dần.

- Việc xác định nhu cầu ngoại ngữ chưa sát thực tế, các khóa học mở ra cho những nhóm cán bộ, công chức, viên chức có nhu cầu sử dụng ngoại ngữ khác nhau, chủ yếu nhu cầu lấy chứng chỉ đáp ứng các tiêu chuẩn ngạch, hạng, chức danh của cán bộ, công chức, viên chức. Như vậy, việc học ngoại ngữ chưa phải nhu cầu thiết thực cần cho công việc của cán bộ, công chức, viên chức.

Công tác tổ chức khóa học phần nhiều triển khai theo kế hoạch giải ngân chưa chú ý đến kế hoạch đầu tư vào con người theo thời gian dài nhằm tạo ra một đội ngũ những người tiên phong, những người có nhu cầu học ngoại ngữ cao để sử dụng trong công việc hàng ngày của họ.

Bên cạnh đó, nhiều cán bộ, công chức, viên chức không có đủ thời gian đầu tư cho việc tham gia khóa bồi dưỡng ngoại ngữ do vướng bận công tác, gia đình v.v.

Nhiều học viên, nhất là học viên lớn tuổi, không thạo về công nghệ thông tin và sử dụng máy tính nên việc học trực tuyến gặp nhiều khó khăn, chưa phát huy hết được hiệu quả.

Trong khi đó, tài liệu bồi dưỡng ngoại ngữ đơn điệu, thường lấy các theo các tài liệu biên soạn chung cho người lớn học ngoại ngữ. Một số cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có tài liệu riêng cho cán bộ, công chức, viên chức nhưng thực hiện đồng loạt theo các chương trình theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo để đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, bồi dưỡng. Chưa có tài liệu biên soạn cho các đối tượng khác nhau về mức độ sử dụng ngoại ngữ, về nhóm công việc họ họ đảm trách.

- Nhiều địa phương có yêu cầu về năng lực ngoại ngữ của cán bộ, công chức, viên chức chưa hợp lý (chưa phân được rõ ràng chuẩn ngoại ngữ với các nhóm ngành nghề khác nhau). Việc này cũng là một yếu tố gây ảnh hưởng tiêu cực đến thái độ của người học.

- Kinh phí bồi dưỡng còn hạn hẹp nên việc triển khai bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ còn gặp nhiều khó khăn.

- Cuối cùng, việc đánh giá, tổng kết công tác bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức chưa được tiến hành thường xuyên, đặc biệt chưa có đánh giá độc lập từ các đơn vị bên ngoài nhằm xem xét một cách toàn diện công tác bồi dưỡng ngoại ngữ.



## PHẦN II

### QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, YÊU CẦU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

#### I. QUAN ĐIỂM

1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, phải được tiến hành thường xuyên, khoa học, chặt chẽ và hiệu quả;

2. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới;

3. Đào tạo, bồi dưỡng phải gắn với tiêu chuẩn chức danh, yêu cầu của vị trí việc làm và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị, yêu cầu thực thi công vụ hiệu quả.

#### II. MỤC TIÊU

##### 1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh và tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, công chức các cấp góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định và đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

##### 2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025: Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, công chức góp phần xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ, năng lực ngoại ngữ đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định. Bảo đảm một tỷ lệ nhất định cán bộ, công chức, đặc biệt đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và thực thi công vụ.

Hoàn thành việc xây dựng các chương trình bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, công chức (không bao gồm đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ), ưu tiên các chương trình tự bồi dưỡng.

- Đến năm 2030 và các năm tiếp theo: Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, công chức góp phần xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; Cơ bản xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp ngang tầm nhiệm vụ và sử dụng ngoại ngữ thành thạo trong công việc và làm việc trong môi trường quốc tế.

Cụ thể:

+ Đối với cán bộ, công chức ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện: phấn đấu đạt 50-60% cán bộ, công chức dưới 40 tuổi và 40-50% cán bộ, công chức từ 40-50 tuổi có trình độ ngoại ngữ đáp ứng khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

50-60% cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng và tương đương trở lên ở Trung ương được đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế;

25-35% cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh được đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế;

20-25% cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý cấp huyện được đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế;

+ Đối với cán bộ, công chức cấp xã: phần đầu 100% được đào tạo, bồi dưỡng đạt tiêu chuẩn về năng lực ngoại ngữ theo yêu cầu, trong đó 15-20% cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý được đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

### **III. YÊU CẦU**

1. Việc tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, công chức các cấp được thực hiện bảo đảm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước và nhu cầu thực tế phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị.

2. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp, tạo chuyển biến tích cực, mạnh mẽ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức góp phần xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

3. Thực hiện có chất lượng, hiệu quả các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức; bảo đảm huy động, phát huy tối đa các nguồn lực, năng lực hiện có của đội ngũ giảng viên, giáo viên và hệ thống cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ.

### **IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

1. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các bộ, ngành, địa phương đặc biệt là đối với đội ngũ cán bộ, công chức các cấp về vai trò và sự cần thiết phải học tập, nâng cao năng lực ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu thực thi công vụ và làm việc trong môi trường quốc tế.

- Quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, công chức các cấp để từ đó xây dựng và đẩy mạnh phong trào học tập ngoại ngữ trong đội ngũ cán bộ, công chức.

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo, quản lý trong việc phải thường xuyên học tập, nâng cao trình độ, năng lực ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu công vụ và làm việc trong môi trường quốc tế; nâng cao ý thức của mỗi người trong việc tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ, cập nhật thông tin, kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu hội nhập.

- Khuyến khích đội ngũ cán bộ, công chức tích cực, chủ động tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ để không ngừng nâng cao năng lực và khả năng làm việc, thích ứng với môi trường làm việc quốc tế.

2. Rà soát, đánh giá thực trạng năng lực, trình độ và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ, công chức của từng bộ, ngành, địa phương. Trên cơ sở đó đề xuất xây dựng chương trình cụ thể để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu và yêu cầu theo từng nhóm đối tượng, theo yêu cầu vị trí việc làm.....

- Các bộ, ngành, địa phương tiến hành rà soát, tổng hợp, đánh giá thực trạng năng lực, trình độ ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý hàng năm để có hướng đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp, hiệu quả;

- Hàng năm tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị mình để xây dựng kế hoạch và tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp từng nhóm đối tượng, từng nội dung chương trình.

- Kết hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng, cơ quan/đơn vị sử dụng cán bộ, công chức và cá nhân cán bộ, công chức để phát huy hết khả năng bồi dưỡng và năng lực sử dụng ngoại ngữ.

3. Rà soát, xây dựng chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức các cấp tích cực học tập ngoại ngữ, nâng cao năng lực để làm việc được trong môi trường quốc tế; thiết lập mạng lưới các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ có uy tín tham gia đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức.

- Cần qui định về tiêu chuẩn, trình độ ngoại ngữ đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, cụ thể là đối với từng chức danh cán bộ trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ... như đối với công chức.

Trong đội ngũ cán bộ, công chức, cán bộ giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý từ trung ương đến cơ sở có vai trò quan trọng trong việc đưa nước ta trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Việc qui định tiêu chuẩn phù hợp về ngoại ngữ làm cơ sở đảm bảo các cán bộ có khả năng đáp ứng yêu cầu thực thi công vụ trong giai đoạn hiện nay khi mà công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế ở nước ta ngày càng đi vào chiều sâu.

- Qui định tiêu chuẩn đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý hiện nay và một số vị trí công việc có liên quan đến hợp tác quốc tế, liên quan đến nước ngoài cần đặt ra tiêu chuẩn về trình độ, năng lực ngoại ngữ cao hơn so với các vị trí, chức danh công chức khác.

- Xây dựng, thực hiện cơ chế tổ chức đào tạo, bồi dưỡng linh hoạt, tạo điều kiện để cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức và bản thân cán bộ, công chức có cơ hội được lựa chọn dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ có chất lượng; đồng thời tạo điều kiện để các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ chủ động nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ.

4. Nghiên cứu đề xuất các mô hình phù hợp để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, công chức các cấp phục vụ thực hiện nhiệm vụ và thực thi công vụ trong xu thế hội nhập.

- Chuẩn hóa các chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu chung và yêu cầu thực thi nhiệm vụ công vụ và làm việc trong môi trường quốc tế.

- Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ. Đa dạng hóa các hình thức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với điều kiện, môi trường làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức.

5. Nghiên cứu xây dựng và triển khai chương trình, tài liệu dạy và học ngoại ngữ cho cán bộ, công chức phù hợp với các mô hình đã được xây dựng đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chức danh, ngạch và vị trí việc làm và phục vụ thực hiện nhiệm vụ.

- Xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ thống nhất cho cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ngạch công chức và tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý;

- Nghiên cứu đề xuất các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ chuyên ngành cho cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu thực thi nhiệm vụ và yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ theo ngành, lĩnh vực.

6. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ cho cán bộ, công chức theo tiếp cận chuẩn quốc tế (Xây dựng bộ ngân hàng câu hỏi/đề thi ngoại ngữ tiếp cận chuẩn quốc tế trong kiểm tra, đánh giá trình độ ngoại ngữ của cán bộ, công chức).

- Quy định về thi ngoại ngữ khi thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý, khi làm quy trình bổ nhiệm, đề bạt chức danh lãnh đạo, quản lý, nâng ngạch công chức cần phù hợp với đặc thù của kiến thức ngoại ngữ. Trong thực tế không ít cán bộ, công chức đỗ kỳ thi tuyển và thi nâng ngạch công chức nhưng vẫn không giao tiếp, làm việc được với người nước ngoài. Cần thi đủ các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để bảo đảm phản ánh chính xác trình độ, năng lực ngoại ngữ của thí sinh.

- Tăng cường kiểm tra giám sát đối với việc cấp chứng chỉ ngoại ngữ tại các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm trong thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Thực tế cho thấy, một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức tuy có chứng chỉ ngoại ngữ như một điều kiện bắt buộc khi họ thi tuyển đầu vào, nhưng lại không sử dụng được ngoại ngữ, không nói và hiểu được khi làm việc với người nước ngoài.

Tiến tới thực hiện giao kiểm định chất lượng đầu vào công chức trong đó có ngoại ngữ cho một cơ quan đủ năng lực để đảm bảo chất lượng, hiệu quả, khách quan trong tuyển dụng công chức, viên chức. Trên cơ sở đó, các địa phương, cơ quan, đơn vị lựa chọn, tuyển dụng theo yêu cầu, nhiệm vụ; đồng thời, nghiên cứu, từng bước phân cấp kiểm định theo lĩnh vực đặc thù và theo vùng, khu vực khi đủ điều kiện.

- Cần nghiên cứu, qui định về thời hạn sử dụng của chứng chỉ ngoại ngữ đối với cán bộ, công chức vì năng lực và trình độ ngoại ngữ của một người có thể tăng lên hoặc mai một theo thời gian. Vì vậy, hầu như không có chứng chỉ ngoại ngữ nào có thời hạn sử dụng vĩnh viễn. Hiện nay chưa có qui định về thời hạn sử dụng của chứng chỉ ngoại ngữ nên không thúc đẩy được cán bộ, công chức thường xuyên trau dồi ngoại ngữ cũng như có ý thức tích cực tham gia đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ.

7. Phát triển năng lực giảng dạy cho đội ngũ giảng viên tham gia dạy (đào tạo, bồi dưỡng) ngoại ngữ cho cán bộ, công chức có trình độ, phương pháp sư phạm và có kiến thức chuyên môn trong từng lĩnh vực (bao gồm: bồi dưỡng, tập huấn ở trong nước và bồi dưỡng, tập huấn ở nước ngoài).

- Xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên ngoại ngữ tham gia giảng dạy ngoại ngữ cho cán bộ, công chức tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu của người học

- Ưu tiên thu hút đội ngũ giảng viên, giáo viên có phương pháp, kinh nghiệm và đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tham gia giảng dạy các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn theo từng ngành/lĩnh vực và hội nhập quốc tế.

8. Tăng cường điều kiện dạy và học ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, cụ thể:

- Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học ngoại ngữ;

- Đầu tư nâng cấp phòng học, phòng thi, kiểm tra đánh giá kết quả...;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để phát triển các giải pháp học ngoại ngữ trực tuyến cho cán bộ, công chức. Công nghệ ngày nay cho phép xây dựng những nguồn dữ liệu mở, có khả năng tương tác cao, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học ngoại ngữ hàng ngày của cán bộ, công chức.

9. Tăng cường hợp tác quốc tế và xây dựng môi trường học ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức.

- Bên cạnh việc tập trung tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước; đồng thời, để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, đảm bảo tỷ lệ cán bộ, công chức làm việc được trong môi trường quốc tế phải chú trọng việc đưa cán bộ, công chức trong diện quy hoạch nguồn đi đào tạo, bồi dưỡng ở các nước có tiên tiến để kết hợp đào tạo kiến thức chuyên môn sâu với nâng cao năng lực và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ làm việc trong môi trường quốc tế.

- Liên kết với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nước ngoài đủ năng lực và điều kiện để tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ các trình độ cho cán bộ, công chức đáp ứng nhu cầu công việc và nâng cao trình độ, khả năng giao tiếp và làm việc trong môi trường quốc tế.

## **PHẦN III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **I. LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN**

##### **1. Lộ trình**

Bắt đầu thực hiện từ năm 2019, trong đó:

a) Giai đoạn 2019-2020: các bộ, ngành, địa phương tập trung xây dựng kế hoạch về Chương trình học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị mình với các mục tiêu, yêu cầu, nội dung hoạt động và theo nhóm đối tượng cụ thể.

b) Giai đoạn 2021-2025 và các năm tiếp theo: Đẩy mạnh thực hiện Đề án về Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức các cấp đã được phê duyệt nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả.

Đưa việc học tập ngoại ngữ của cán bộ, công chức các cấp thành phong trào được triển khai đồng bộ, rộng khắp trong cả nước; phục vụ thiết thực và hiệu quả trong thực thi công vụ và làm việc trong môi trường quốc tế.

##### **2. Kinh phí**

Kinh phí xây dựng và thực hiện Đề án về Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức các cấp do ngân sách nhà nước bảo đảm và các nguồn lực khác (nếu có).

#### **II. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN**

##### **1. Bộ Nội vụ**

- Chủ trì Đề án, chịu trách nhiệm phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, cơ quan liên quan và địa phương chỉ đạo, hướng dẫn, xây dựng, cụ thể hóa các nội dung của Đề án thành các chương trình, kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện, hướng dẫn tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Đề án;

- Tổng hợp nhu cầu, đề xuất kinh phí để thực hiện Đề án từ các bộ, ngành, cơ quan liên quan và các địa phương, gửi Bộ Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Chủ trì nghiên cứu, hướng dẫn, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung các quy định về cơ chế, chính sách đối với đội ngũ giảng viên, giáo viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu đề xuất các mô hình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ phù hợp để đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức theo từng nhóm đối tượng phục vụ thực thi công vụ hiệu quả;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ phù hợp với các mô hình, đáp ứng yêu cầu...

- Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí, cơ chế tài chính thực hiện Đề án;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án; định kỳ sơ kết, tổng kết báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

## **2. Bộ Giáo dục và Đào tạo**

- Phối hợp với Bộ Nội vụ nghiên cứu, hướng dẫn các quy định về cơ chế, chính sách đối với đội ngũ giảng viên, giáo viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức;

- Phối hợp với Bộ Nội vụ nghiên cứu đề xuất các mô hình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ phù hợp cho cán bộ, công chức;

- Phối hợp với Bộ Nội vụ nghiên cứu, đề xuất nội dung chương trình, tài liệu và mô hình dạy và học ngoại ngữ cho cán bộ, công chức theo tiêu chuẩn quốc tế;

- Phát triển năng lực giảng dạy cho đội ngũ giảng viên, giáo viên ngoại ngữ tham gia đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức.

## **3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

- Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ tổng hợp, xây dựng kế hoạch đầu tư ngân sách nhà nước để thực hiện Đề án;

- Phối hợp với Bộ Nội vụ, các bộ, ngành và địa phương tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án.

## **4. Bộ Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, xây dựng và ban hành nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí, cơ chế tài chính thực hiện Đề án;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các địa phương đề thẩm định, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên để thực hiện Chương trình; phân bổ kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với Bộ Nội vụ, các bộ, ngành và địa phương tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án.

## **5. Các Bộ, ngành, cơ quan liên quan**

Tổ chức triển khai thực hiện Đề án trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

- Xây dựng và phê duyệt Đề án/Chương trình cụ thể để chỉ đạo, triển khai thực hiện trên địa bàn; Bảo đảm bố trí ngân sách, huy động các nguồn lực thực hiện Đề án theo kế hoạch để triển khai các nhiệm vụ tại địa phương.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Đề án tại địa phương, định kỳ báo cáo Bộ Nội vụ.

## **7. Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng**

- Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các hoạt động liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ tại đơn vị đáp ứng yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án;

- Tích cực, chủ động triển khai các hoạt động trong khuôn khổ Đề án theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

## **III. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN**

### **1 Ý nghĩa thực tiễn của Đề án**

Thực hiện thành công Đề án sẽ góp phần xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định và đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

Với các giải pháp đồng bộ, từ nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành; xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đến việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kết hợp với hệ thống chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng được xây dựng đầy đủ, toàn diện phù hợp với nhu cầu của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sẽ đạt được những hiệu quả rõ rệt, góp phần đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức trong cả nước, tạo sự chuyển biến về mặt chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ tiêu chuẩn, chức danh cán bộ, công chức, viên chức đủ trình độ, bản lĩnh lãnh đạo, quản lý và thành thạo ngoại ngữ phục vụ thực thi nhiệm vụ, công vụ trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu của cải cách hành chính và hội nhập quốc tế.

Những kết quả mà Đề án đạt được sẽ là nền tảng cơ sở để đạt được các mục tiêu lâu dài trong tương lai, đáp ứng yêu cầu trong việc nâng cao chất lượng hệ thống chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ nói riêng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nói chung.

### **2 Đối tượng hưởng lợi của Đề án**

Căn cứ vào mục tiêu, quan điểm cũng như đối tượng của Đề án, những người được đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án gồm: cán bộ trong các cơ quan nhà nước, công chức khối cơ quan đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội; công chức các bộ, cơ quan ngang bộ; công chức địa phương cấp tỉnh, cấp huyện; công chức các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt nam ở nước ngoài và cán bộ, công chức cấp xã.

Theo số liệu thống kê, có khoảng 270.000 công chức từ cấp huyện trở lên và khoảng 260.000 cán bộ, công chức cấp xã. Đây là những đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng theo các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ của Đề án....

Việc tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án sẽ góp phần trang bị, nâng cao kiến thức, năng lực quản lý, điều hành, thực thi công vụ và làm việc trong môi trường quốc tế cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đề án được thực hiện thành công sẽ góp



phần xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, có phẩm chất tốt, đủ năng lực thi hành công vụ, tận tụy phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân. Qua đó góp phần thực hiện thành công Nghị quyết của Đảng về xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của sự nghiệp phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

Như vậy, đối tượng hưởng lợi của Đề án không chỉ bao gồm những đối tượng trực tiếp được đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ theo Đề án mà đó còn là những nhà quản lý, sử dụng đội ngũ công chức; là các bộ, ngành Trung ương và các địa phương có đội ngũ cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng.

Đề án được triển khai có hiệu quả sẽ góp phần vào công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, và hội nhập quốc tế mà Đảng và Nhà nước ta đang tiến hành.

### **3 Một số khó khăn khi thực hiện Đề án**

Quá trình triển khai thực hiện Đề án chắc chắn không tránh khỏi những khó khăn vướng mắc như:

- Đây là công việc có liên quan đến toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức nên nếu không làm tốt sẽ gây lãng phí nguồn lực; Chương trình, tài liệu, đội ngũ giảng viên, giáo viên, cơ sở vật chất trang thiết bị, ý thức của người học.... kém chất lượng đều sẽ làm cho hiệu quả, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức không cao, không đáp ứng được yêu cầu;

- Đội ngũ giáo viên, giảng viên là một trong những nhân tố quyết định đến chất lượng đào tạo, bồi dưỡng theo các chương trình, tài liệu được biên soạn và ban hành, đưa vào sử dụng. Nếu không có đủ đội ngũ giáo viên, giảng viên đáp ứng yêu cầu của Chương trình thì việc đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cũng không đạt được kết quả như mong muốn;

- Năng lực đào tạo, bồi dưỡng của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở địa phương còn nhiều hạn chế do cơ sở vật chất còn nghèo nàn, lạc hậu chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ theo phương pháp tiên tiến, hiện đại vì vậy sẽ ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng;

- Kiến thức, kỹ năng cần được đào tạo, bồi dưỡng thuộc rất nhiều lĩnh vực khác nhau và luôn đổi mới trong khi đó những chuyên gia, những người có trình độ, có kinh nghiệm lại không ở trong hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Vì vậy phải xây dựng cho được cơ chế mở trong đào tạo, bồi dưỡng nhằm phát huy năng lực đào tạo, bồi dưỡng tổng hợp của toàn xã hội./.